

Số: 2828 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng xây dựng công trình
Bổ sung cơ sở vật chất cho Trung tâm y tế huyện Mộc Châu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy
định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì
công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ
Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng
trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ
Xây dựng Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
Xây dựng Ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31
tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ
tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

Căn cứ Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Bổ sung cơ sở vật chất cho Trung tâm y tế huyện Mộc Châu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 406/TTr-SXD ngày 29 tháng 10 năm 2021, Báo cáo kết quả thẩm định số 276/KQTD-SXD ngày 29 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Bổ sung cơ sở vật chất cho Trung tâm y tế huyện Mộc Châu, với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Bổ sung cơ sở vật chất cho Trung tâm y tế huyện Mộc Châu.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Mộc Châu.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu

4.1. Mục tiêu: Công trình được đầu tư xây dựng sẽ bổ sung cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, góp phần củng cố và tăng cường năng lực cho y tế tuyến cơ sở.

4.2. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng nhà hành chính quản trị 3 tầng và các hạng mục phụ trợ.

4.3. Giải pháp thiết kế chủ yếu

4.3.1. Giải pháp tổng mặt bằng: Công trình Bổ sung cơ sở vật chất cho Trung tâm y tế huyện Mộc Châu nằm trong khu đất có diện tích khoảng 2.270,65m² thuộc địa phận thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Công trình đã được UBND huyện Mộc Châu phê duyệt tổng mặt bằng tại Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2021, trong đó có các thông tin quy hoạch của dự án. Các hạng mục bố trí trong công trình bao gồm: Nhà hành chính quản trị 3 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối với giao thông bên ngoài qua công chính.

4.3.2. Giải pháp hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống đường giao thông: Đã có các tuyến đường thích hợp phục vụ giao thông nội bộ trong công trình và bên ngoài công trình;

- Cấp điện: Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ hệ thống cấp điện chung của khu vực cấp điện cho các hạng mục công trình;

- Cấp nước: Nguồn cấp nước cho công trình được lấy từ hệ thống cấp nước khu vực cấp cho toàn bộ công trình;

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa thoát độc lập với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực;

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

4.3.3. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

a) Nhà hành chính quản trị: Nhà 3 tầng; diện tích xây dựng $238,1m^2$; tổng diện tích sàn $668,7m^2$

- **Kiến trúc:** Chiều dài nhà 28,8m; chiều rộng nhà 7,2m; bước gian 3,6m; bước nhịp 5,4m; hành lang rộng 1,8m; sảnh trước rộng 1,8m. Cao độ nền nhà cốt $\pm 0,00$ cao hơn cốt sân là 0,75m; chiều cao tầng 1, 2, 3 là 3,6m; chiều cao mái là 2,4m; chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà (cốt $\pm 0,00$) đến đỉnh mái là 13,2m. Thang bộ bố trí tại trục (7)-(8); bậc tam cấp, bậc cầu thang lát đá Granite. Nền nhà lát gạch men kính, khu vệ sinh lát gạch chống trơn. Cửa đi, cửa sổ khuôn nhôm kính (riêng cửa đi thang bộ sử dụng cửa chống cháy). Toàn bộ tường, cột, dầm, trần trong và ngoài nhà bả bột bả, lăn sơn trang trí;

- **Kết cấu:** Móng đơn + hợp khối, cột, dầm, sàn, lanh tô đổ bê tông cốt thép mác 200 (cấp bền B15). Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 50, dày 1,5cm; trát cột, dầm, trần vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm. Cấu tạo mái: Tôn múi/ hệ thống xà gồ, vì kèo thép/ tường thu hồi xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, không trát;

- **Cấp điện:** Nguồn điện được đầu nối từ mạng lưới điện đã có của khu vực về tủ điện tổng của nhà; từ tủ điện tổng cấp điện cho toàn nhà; bóng điện chiếu sáng sử dụng đèn Led gắn trần; hệ thống làm mát trong phòng bố trí quạt treo tường và điều hòa; dây dẫn đi trong ống gen đi chìm tường;

- **Chống sét:** Kim thu sét $\varnothing 18$ dài 0,8m; dây dẫn mạ kẽm $\varnothing 10$; dây tiếp địa thép dẹt; cọc tiếp địa thép hình; điện trở bộ phận tiếp địa $\leq 10\Omega$;

- **Cấp nước:** Nguồn nước cấp cho nhà lấy từ hệ thống cấp nước lên bồn inox đặt trên mái; từ bồn nước mái dùng ống PPR cấp nước xuống cho các khu vệ sinh và thiết bị;

- **Thoát nước:** Nước thải từ xí, tiểu được gom vào ống PVC thoát xuống bể tự hoại; nước từ chậu rửa, phễu thu sàn, hệ thống thoát nước mái được thu về ống đứng PVC ra rãnh thoát nước quanh nhà; toàn bộ nước thải xí, sàn, nước mưa được thoát độc lập với nhau và gom vào hệ thống thoát nước chung của khu vực;

- **Phòng cháy chữa cháy:** Thiết kế hệ thống chữa cháy bằng bình chữa cháy kết hợp với họng chữa cháy vách tường đặt tại vị trí thuận tiện khi sử dụng; hệ thống báo cháy tự động sử dụng đầu báo cháy khói quang;

b) Nhà kho thuốc, kho hoá chất: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng $48,1m^2$

- **Kiến trúc:** Chiều dài nhà 9,0m; chiều rộng nhà 5,0m; bước gian 4,5m; bước nhịp 5,0m. Cao độ nền nhà cốt $\pm 0,00$ cao hơn cốt sân là 0,15m; chiều cao tầng là 3,3m; chiều cao mái là 1,5m; chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà (cốt $\pm 0,00$) đến đỉnh mái là 4,8m. Nền nhà lát gạch men kính. Cửa đi, cửa sổ khuôn nhôm kính. Toàn bộ tường, cột, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn trực tiếp không bả;

- **Kết cấu:** Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75; dầm, sàn, lanh tô bê

tông cốt thép mác 200 (cấp bền B15). Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 50, dày 1,5cm; trát dầm, trần, vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm. Cấu tạo mái: Tôn múi/ hệ thống xà gồ, vì kèo thép/ tường thu hồi xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, không trát;

- *Cáp điện*: Nguồn điện lấy từ tủ điện nhà hành chính 3 tầng đến bảng điện nhà; bóng điện chiếu sáng sử dụng đèn huỳnh quang gắn tường; dây dẫn đi trong ống gen đi chìm tường;

- *Thoát nước mái*: Sử dụng ống PVC thoát ra rãnh ngoài nhà;

c) *Nhà bảo vệ: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng 17,8m²*

- *Kiến trúc*: Kích thước nhà (4,0x4,0)m. Cao độ nền nhà cốt $\pm 0,00$ cao hơn cốt sân là 0,15m; chiều cao tầng là 3,3m; chiều cao mái là 1,5m; chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà (cốt $\pm 0,00$) đến đỉnh mái là 4,8m. Nền nhà lát gạch men kính. Cửa đi, cửa sổ khuôn nhôm kính. Toàn bộ tường, cột, dầm, trần trong và ngoài bả bột bả, lăn sơn trang trí;

- *Kết cấu*: Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75; dầm, sàn, lanh tô bê tông cốt thép mác 200 (cấp bền B15). Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 50, dày 1,5cm; trát dầm, trần, vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm. Cấu tạo mái: Tôn múi/ hệ thống xà gồ, vì kèo thép/ tường thu hồi xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, không trát;

- *Cáp điện*: Nguồn điện lấy từ tủ điện nhà hành chính 3 tầng đến bảng điện nhà; bóng điện chiếu sáng sử dụng đèn huỳnh quang gắn tường; hệ thống làm mát sử dụng quạt đảo trần; dây dẫn đi trong ống gen đi chìm tường;

- *Thoát nước mái*: Sử dụng ống PVC thoát ra rãnh ngoài nhà;

d) *Nhà để xe: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng 56,1m²*: Kích thước nhà (13,2x4,25)m; bước gian 3,3m. Cao độ nền nhà cốt $\pm 0,00$ cao hơn cốt sân là 0,15m; chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà (cốt $\pm 0,00$) đến đỉnh mái là 3,44m; Móng đơn bê tông cốt thép mác 200 (cấp bền B15) liên kết với cột thép thông qua bu lông và bản mã. Cấu tạo nền: Bê tông mác 150, dày 15cm/ cát đầm chặt, dày 5cm/ đất đầm chặt. Cấu tạo mái: Tôn múi/ hệ thống xà gồ, vì kèo thép;

đ) *Nhà mái che thiết bị: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng 43,35m²*: Kích thước nhà (8,5x5,1)m; bước gian 4,0m. Cao độ nền nhà cốt $\pm 0,00$ cao hơn cốt sân là 0,15m; chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà (cốt $\pm 0,00$) đến đỉnh mái là 3,4m; Móng đơn bê tông cốt thép mác 200 (cấp bền B15) liên kết với cột thép thông qua bu lông và bản mã. Cấu tạo nền: Bê tông mác 200, dày 20cm/ cát đầm chặt, dày 5cm/ đất đầm chặt. Cấu tạo nền: Tôn múi/ hệ thống xà gồ, vì kèo thép;

e) *Sân, cổng, tường rào, các hạng mục phụ trợ và chi tiết khác*: Theo hồ sơ thiết kế.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo KT-KT: Trung tâm giám định chất lượng xây dựng.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Diện tích sử dụng đất: Theo tổng mặt bằng được phê duyệt của dự án.

7. Nhóm dự án, loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Dự án nhóm C;
- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III;
- Thời hạn sử dụng của công trình theo thiết kế: 20-50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: 01 bước. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu:

- QCXDVN 05-2008: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;
- QCVN 03-2012/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- QCVN 16-2019/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- QCVN 06-2020/BXD: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo dưỡng;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 7447-2010 (IEC 60364-2005): Hệ thống điện hạ áp, lựa chọn và

lắp thiết bị điện;

- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;
- TCXDVN 33-2006: Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;
- TCVN 3890-2009: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 11.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	6.575,395	Triệu đồng
- Chi phí thiết bị	2.700,000	Triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án	232,458	Triệu đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD	665,698	Triệu đồng
- Chi phí khác	155,398	Triệu đồng
- Chi phí dự phòng	671,051	Triệu đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022-2024.

11. Nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn

- Nguồn vốn: Bổ sung cân đối ngân sách tỉnh + ngân sách tỉnh và ngân sách huyện; trong đó: Bổ sung cân đối ngân sách tỉnh + ngân sách tỉnh 10.000 triệu đồng, ngân sách huyện 1.000,0 triệu đồng;

- Dự kiến kế hoạch vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Bổ sung cân đối ngân sách tỉnh + ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng cộng
2022-2024	10.000	1.000	11.000

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Mộc Châu (*chủ đầu tư*): Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

2. Giám đốc Sở Xây dựng chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu thẩm định, trình phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. *gk*

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT; KGVX, TH, KT_(Quý), 25b.



Lê Hồng Minh

